

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyết.

2. Bà Đoàn Thị Dịu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/03/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H - Sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Đội 1, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Đội 11, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Hà Đình T - Sinh năm 1985.

Trú tại: Đội 1, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 01/12/2019 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Trịnh Thị H trình bày:

Chị và anh Hà Đình T đăng ký kết hôn ngày 20/10/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống khác nhau, anh T thường xuyên cờ bạc, chơi bời, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Chị đã

nhiều lần khuyên bảo anh nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2018. Xét về tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, chị làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Gia P - Sinh ngày 23/11/2016, hiện nay cháu P đang ở với chị. Về con chung chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/03/2020, ông Hà Đình B (là bố đẻ của anh Hà Đình T) cung cấp như sau:

Anh T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bận công việc nên anh không đến Tòa án làm việc và anh T có quan điểm như sau: Anh đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị H vì vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Gia P và nhận cấp dưỡng nuôi con chung theo pháp luật nếu chị H có yêu cầu. Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trịnh Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Hà Đình T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Hà Đình T. Về con chung: Giao con chung là Hà Gia P - Sinh ngày 23/11/2016 cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Trịnh Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị H là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Hà Đình T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Trịnh Thị H đăng ký kết hôn với anh Hà Đình T ngày 20/10/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống vợ chồng không hợp nhau, anh T thường xuyên cờ bạc, sống không có trách nhiệm đối với vợ con. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai nên chị H làm đơn xin ly hôn.

Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Gia P - Sinh ngày 23/11/2016, hiện nay cháu P đang ở với chị H.

Chị H nhận nuôi con chung, anh T có ý kiến đồng ý với ý kiến của chị H. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vắng mặt, đồng thời không có văn bản thể hiện ý kiến khác đối với quan điểm như trên vì vậy HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Hà Đình T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị H nuôi dưỡng con chung là Hà Gia P - Sinh ngày 23/11/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Trịnh Thị H nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001349 ngày 25/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Trịnh Thị H và anh Hà Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng